TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 6 - HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 231/2026/QĐST-HNGĐ	*Hà Nội, ngày 11 tháng 02 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào: Điều 212, Điều 213, Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc Hôn nhân và gia đình thụ lý số: /2026/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 02 năm 2026, về việc "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn", gồm những người yêu cầu sau đây:

- Anh Nguyễn Văn A, sinh năm 1991

Nơi cư trú: Thôn Bùi Xá, xã Tam Hưng, thành phố Hà Nội.

- Chị Nguyễn Thị B, sinh năm 1994

Nơi cư trú: Tổ dân phố 14 Thượng Mạo, phường Phú Lương, Hà Nội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn A và chị Nguyễn Thị B đăng ký kết hôn ngày 08/8/2012 tại UBND xã Tam Hưng, huyện Thanh Oai (nay là xã Tam Hưng), thành phố Hà Nội trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn anh chị chung sống hạnh phúc đến năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi nhau do bất đồng trong cuộc sống và do anh A đi xuất khẩu lao động nên vợ chồng không có điều kiện để hàn gắn. Hai bên đã cố gắng hàn gắn nhưng không có kết quả và đã sống ly thân nhau đến nay được hơn 1 năm. Nay tình cảm vợ chồng không còn nên cùng thống nhất đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn. Xét yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của anh chị là hoàn toàn tự nguyện, không trái đạo đức xã hội nên cần được ghi nhận.

[2] Về con chung: Anh Nguyễn Văn A và chị Nguyễn Thị B có 02 con chung, gồm: Nguyễn Thùy C, sinh ngày 05/10/2012 và cháu Nguyễn Thùy D, sinh ngày 16/9/2015. Anh chị thỏa thuận giao cháu C cho chị B, giao cháu Thùy D cho anh A trực tiếp nuôi dưỡng, không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Anh chị không yêu cầu Toà án giải quyết.

[4] Về lệ phí dân sự sơ thẩm: Anh Nguyễn Văn A và chị Nguyễn Thị B tự nguyện chịu cả 300.000 đồng lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1/ Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Văn A và chị Nguyễn Thị B.

- *Về con chung:* Anh Nguyễn Văn A và chị Nguyễn Thị B có 02 con chung, gồm: Nguyễn Thùy C, sinh ngày 05/10/2012 và cháu Nguyễn Thùy D, sinh ngày 16/9/2015. Anh chị thỏa thuận giao cháu C cho chị B, giao cháu Thùy D cho anh A trực tiếp nuôi dưỡng và không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác.

Anh A và chị B có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

- *Về tài sản chung, nợ chung:* Anh chị không yêu cầu Toà án giải quyết.

2/ Về lệ phí: Anh Nguyễn Văn A và chị Nguyễn Thị B tự nguyện chịu cả 300.000 đồng lệ phí giải quyết việc thuận tình ly hôn, được đối trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí anh chị đã nộp theo biên lai số: 0003094 ngày 02/02/2026 tại Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 6 - Hà Nội. Ghi nhận anh A và chị B đã nộp đủ lệ phí.

3/ Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

***Nơi nhận*:**
- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND Khu vực 6 – Hà Nội;
- Phòng THADS Khu vực 6-Hà Nội;
- Các đương sự;
- UBND cấp xã nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Hoàng Văn Quang